

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 8 năm 2026



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 50



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 27 ngày 04/9/2025.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 27 ngày 04/9/2025 là 200.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên thị trường UpCOM. Mã cổ phiếu: MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên
Ông Đoàn Minh Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hà Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Duy Lệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu tại Thuyết minh số 7.1, bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính giữa niên độ và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Số: 212/2026/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi:****Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 26/8/2026, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+160)	100		1.958.941.298.961	1.888.737.285.056
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	204.168.483.885	313.276.951.138
1. Tiền	111		50.168.483.885	218.353.951.138
2. Các khoản tương đương tiền	112		154.000.000.000	94.923.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	33.927.815.068	30.081.082.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.2a	33.927.815.068	30.081.082.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.056.834.678.689	991.473.575.732
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	889.525.716.563	836.268.546.131
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	38.964.443.578	37.719.296.422
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	135.925.436.137	122.692.647.239
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.9	(7.580.917.589)	(5.206.914.060)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	548.169.570.209	464.127.497.909
1. Hàng tồn kho	141		549.843.967.553	465.801.895.253
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.674.397.344)	(1.674.397.344)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		115.840.751.110	89.778.178.277
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.7	7.155.292.823	6.885.316.024
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		104.686.421.989	77.150.858.493
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.14	3.999.036.298	5.742.003.760
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260+270)	200		403.512.775.295	406.034.651.870
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.023.665.469	15.085.265.469
1. Phải thu dài hạn khác	215	5.5	15.023.665.469	15.085.265.469
II. Tài sản cố định	220		165.597.845.069	164.531.575.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	152.773.736.935	155.646.565.624
- Nguyên giá	222		748.241.696.334	755.236.272.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(595.467.959.399)	(599.589.706.881)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	12.824.108.134	8.885.010.254
- Nguyên giá	228		51.366.818.863	46.766.818.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.542.710.729)	(37.881.808.609)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		10.098.158.041	9.877.358.041
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.8	10.098.158.041	9.877.358.041
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	175.392.897.175	176.775.130.338
1. Đầu tư vào công ty con	261	5.2b	113.985.268.520	113.985.268.520
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	5.2b	84.516.920.657	79.216.920.657
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	5.2b	31.256.863.385	31.256.863.385
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	5.2b	(54.389.155.387)	(47.706.922.224)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	5.2a	23.000.000	23.000.000
VII. Tài sản dài hạn khác	270		37.400.209.541	39.765.322.144
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.7	37.400.209.541	39.765.322.144
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		2.362.454.074.256	2.294.771.936.926

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.911.491.596.952	1.874.470.110.872
I. Nợ ngắn hạn	310		1.685.634.776.958	1.648.704.173.822
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	269.135.410.944	236.120.548.976
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	12.465.116.930	11.173.391.216
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.14	5.562.243.508	7.278.877.066
4. Phải trả người lao động	315		68.912.164.409	97.841.558.435
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.15	47.947.125.630	41.997.737.799
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	5.16	12.922.950.616	13.834.555.940
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.17	13.978.112.402	10.988.196.937
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.18	1.226.759.028.811	1.208.154.083.943
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		27.952.623.708	21.315.223.510
II. Nợ dài hạn	330		225.856.819.994	225.765.937.050
1. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	5.16	24.879.444.994	24.879.437.050
2. Phải trả dài hạn khác	338	5.17	3.400.000.000	3.400.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.18	17.850.000.000	17.850.000.000
4. Trái phiếu chuyển đổi	340	5.19	179.727.375.000	179.636.500.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.20	450.962.477.304	420.301.826.054
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		51.522.303.046	48.242.591.185
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		199.440.174.258	172.059.234.869
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		156.972.560.310	106.464.997.657
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		42.467.613.948	65.594.237.212
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.362.454.074.256	2.294.771.936.926

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hiếu



Đặng Minh Tuyền



Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.477.275.615.986	1.251.588.294.226
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.303.691.604	3.630.796.557
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	1.474.971.924.382	1.247.957.497.669
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	1.195.406.051.859	1.001.120.800.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		279.565.872.523	246.836.697.031
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.5	42.393.074.984	35.938.102.777
8. Chi phí tài chính	23	6.6	42.921.306.627	34.184.899.153
Trong đó: Chi phí đi vay	24		32.432.057.128	25.930.064.647
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	114.045.134.398	112.499.104.519
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	118.399.499.698	104.822.390.291
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+(22-23)-(25+26)}	30		46.593.006.784	31.268.405.845
12. Thu nhập khác	31	6.8	1.735.035.682	3.309.723.365
13. Chi phí khác	32	6.9	21.568.910	19.302.817
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.713.466.772	3.290.420.548
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		48.306.473.556	34.558.826.393
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	5.838.859.608	3.305.368.432
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		42.467.613.948	31.253.457.961

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hiếu



Đặng Minh Tuyên



Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		48.306.473.556	34.558.826.393
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.573.851.431	16.522.500.847
- Các khoản dự phòng	03		9.056.236.692	(264.247.087)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(27.073.499.971)	(23.041.498.775)
- Chi phí đi vay	06		32.432.057.128	25.930.064.647
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		76.295.118.836	53.705.646.025
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(87.916.473.700)	184.203.787.429
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(84.042.072.300)	(52.281.610.376)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.954.370.928	1.113.330.360
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		1.869.501.550	1.015.351.013
- Chi phí đi vay đã trả	14		(27.311.045.141)	(25.930.064.647)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.135.101.509)	(9.455.927.701)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.169.562.500)	(3.117.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(125.455.263.836)	149.253.512.103
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.943.967.870)	(18.568.299.515)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		739.553.588	651.523.860
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(27.302.815.068)	(18.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23.456.082.000	5.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.300.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.092.999.065	19.149.769.550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.258.148.285)	(12.267.006.105)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.258.440.350.013	1.119.349.189.753
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.239.835.405.145)	(1.270.195.504.830)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		18.604.944.868	(150.846.315.077)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(109.108.467.253)	(13.859.809.079)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	313.276.951.138	189.258.492.532
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	204.168.483.885	175.398.683.453

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Hiếu

Đặng Minh Tuyền



Nguyễn Ngọc Lân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 27 ngày 04/9/2025.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 27 ngày 04/9/2025 là 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên thị trường UpCOM. Mã cổ phiếu: MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm nhuộm;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;...

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong kỳ: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm may mặc cho thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4 Số lượng người lao động tại thời điểm cuối kỳ

Số lao động tại ngày 30/6/2026: 2.716 người (tại ngày 31/12/2025 là: 2.746 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty có các Công ty con, các Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp
Công ty con trực tiếp				
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường Vị Thanh, Tp. Cần Thơ, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	55,56%	55,56%
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Cụm công nghiệp Tam Quan, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Ấp Bình Tạo xã Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Hoàn thiện sản phẩm dệt	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Số 204, đường Thống Nhất, phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Bình Định	Số 105, đường Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,84%	51,84%
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 9, đường Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	55,00%	55,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Ấp Bình Tạo, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	43,89%	43,89%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Quốc lộ 60, phường Sóc Trăng, Tp. Cần Thơ, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	48,62%	48,62%
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Thôn Mũi Đá, phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Kinh doanh địa điểm lưu trú	47,00%	47,00%
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	47,50%	47,50%
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Số 71, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	45,90%	45,90%
Công ty Cổ phần May 9	Số 215 Hàng Thao, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	26,78%	26,78%
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ vận tải	28,58%	28,58%
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Số 90 Bis Tôn Thất Thuyết, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh máy móc thiết bị	40,98%	40,98%
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh máy móc thiết bị	30,00%	30,00%
Các đơn vị trực thuộc		Địa chỉ		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát		Lô số 1, Khu Công nghiệp Dệt may Bình An, khu phố Ngã Thắng, phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc		Số 54 đường Phạm Ngọc Thạch, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum		Km3 - Quốc lộ 14, phường Đăk Bla, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam		
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định		Số 105 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam		
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc		Số 02, ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội		Số 02, ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam		
Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại Vương Quốc Anh		2nd Floor Prospect House, Columbus Quay, Riverside Drive, Liverpool, L13 4DB		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Tổng Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính, Tổng Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty không thực hiện quy đổi đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi;

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và được trình bày theo số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc sau đó được xác định theo giá trị ghi sổ sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày riêng biệt trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư và đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Các khoản đầu tư khác:

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Dự phòng tổn thất được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có khả năng không thu hồi được theo các điều khoản đã thỏa thuận.

Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết; đầu tư vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác: Dự phòng tổn thất được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá trị tổn thất được xác định theo quy định kế toán hiện hành phù hợp với bản chất của từng khoản đầu tư.

Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của đơn vị được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Tổng Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	03 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Tổng Công ty.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế,... được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Thuê tài sản (Tiếp theo)

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê dịch vụ trả trước cho nhiều kỳ

Chi phí tư vấn, đào tạo, quảng cáo, chi phí bảo hiểm, thuê mặt bằng trả trước cho nhiều kỳ kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác: gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả này là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí gia công, chi phí mua nguyên liệu, vật liệu, chi phí khuyến mãi, chiết khấu, chi phí đi vay phải trả và chi phí khác.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chờ phân bổ vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê mặt bằng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng, và ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa (hàng may mặc) và doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng và dịch vụ đi kèm).

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ chênh lệch tỷ giá khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu và chiết khấu thanh toán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	10.492.797.519	15.360.129.726
Tiền gửi không kỳ hạn (i)	39.675.686.366	202.993.821.412
Tương đương tiền (ii)	154.000.000.000	94.923.000.000
Cộng	204.168.483.885	313.276.951.138

(i) Chi tiết các khoản tiền gửi không kỳ hạn:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	7.597.029.126	41.665.581.016
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh	5.703.996.946	26.570.722.492
Các Ngân hàng TMCP khác	26.374.660.294	134.757.517.904
Cộng	39.675.686.366	202.993.821.412

(ii) Chi tiết các khoản tương đương tiền:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân Hàng TMCP Á Châu	25.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh	55.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán MB	25.000.000.000	-
Các ngân hàng TMCP khác	29.000.000.000	24.923.000.000
Cộng	154.000.000.000	94.923.000.000

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 4%/ năm đến 7%/ năm.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	33.927.815.068	33.927.815.068	-	30.081.082.000	30.081.082.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>33.927.815.068</i>	<i>33.927.815.068</i>	<i>-</i>	<i>30.081.082.000</i>	<i>30.081.082.000</i>	<i>-</i>
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao Dịch 2	11.000.000.000	11.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Ngân Hàng TMCP Á Châu	5.206.815.068	5.206.815.068	-	-	-	-
Ngân Hàng TMCP Đông Nam Á - CN TP. Hồ Chí Minh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Lộc Phát - Chi nhánh Thăng Long	7.721.000.000	7.721.000.000	-	12.581.082.000	12.581.082.000	-
b) Dài hạn	23.000.000	23.000.000	-	23.000.000	23.000.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>23.000.000</i>	<i>23.000.000</i>	<i>-</i>	<i>23.000.000</i>	<i>23.000.000</i>	<i>-</i>
Ngân hàng TMCP Lộc Phát - Chi nhánh Thăng Long	23.000.000	23.000.000	-	23.000.000	23.000.000	-
Cộng	33.950.815.068	33.950.815.068	-	30.104.082.000	30.104.082.000	-

Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 13 tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 2,4%/năm đến 8,25%/năm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền 7.744.000.000 VND (tại ngày 01/01/2026 là 15.104.082.000 VND) tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long đang được bảo lãnh thực hiện cho hợp đồng kinh tế của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ		30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty con			113.985.268.520	98.685.268.520	(15.300.000.000)	113.985.268.520	98.685.268.520	(15.300.000.000)
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	55,6%	55,6%	27.782.000.000	27.782.000.000	-	27.782.000.000	27.782.000.000	-
Công ty Cổ phần May Tam Quan	51,0%	51,0%	17.850.000.000	17.850.000.000	-	17.850.000.000	17.850.000.000	-
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	51,0%	51,0%	15.300.000.000	-	(15.300.000.000)	15.300.000.000	-	(15.300.000.000)
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	51,0%	51,0%	25.500.000.000	25.500.000.000	-	25.500.000.000	25.500.000.000	-
Công ty Cổ phần May Bình Định	51,8%	51,8%	11.535.620.000	11.535.620.000	-	11.535.620.000	11.535.620.000	-
Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,0%	51,0%	10.200.000.000	10.200.000.000	-	10.200.000.000	10.200.000.000	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,0%	55,0%	5.817.648.520	5.817.648.520	-	5.817.648.520	5.817.648.520	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			84.516.920.657	48.182.256.031	(36.334.664.626)	79.216.920.657	48.749.883.407	(30.467.037.250)
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	43,9%	43,9%	15.360.000.000	15.360.000.000	-	15.360.000.000	15.360.000.000	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng (i)	48,6%	48,6%	20.420.000.000	-	(20.420.000.000)	15.120.000.000	-	(15.120.000.000)
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	47,0%	47,0%	14.900.000.000	9.956.689.352	(4.943.310.648)	14.900.000.000	9.956.689.352	(4.943.310.648)
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	47,5%	47,5%	9.500.000.000	-	(9.500.000.000)	9.500.000.000	-	(9.500.000.000)
Công ty Cổ phần May An Nhơn	45,9%	45,9%	9.180.000.000	9.180.000.000	-	9.180.000.000	9.180.000.000	-
Công ty Cổ phần May 9	26,8%	26,8%	5.227.920.657	3.756.566.679	(1.471.353.978)	5.227.920.657	4.324.194.055	(903.726.602)
Công ty Cổ phần NBC Logistics	28,6%	28,6%	3.429.000.000	3.429.000.000	-	3.429.000.000	3.429.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	41,0%	41,0%	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,0%	30,0%	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-

(i) Trong kỳ, Tổng Công ty mua thêm phần vốn góp tại Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 61/2025/NQ-HĐQT ngày 24/12/2025.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	Tỷ lệ	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Vốn nắm giữ Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		31.256.863.385	28.502.372.624	(2.754.490.761)	31.256.863.385	29.316.978.411	(1.939.884.974)
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An		7.161.920.000	5.564.016.269	(1.597.903.731)	7.161.920.000	6.378.622.056	(783.297.944)
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Bình Thắng		5.802.843.385	5.802.843.385	-	5.802.843.385	5.802.843.385	-
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		5.337.100.000	5.337.100.000	-	5.337.100.000	5.337.100.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè		5.250.000.000	5.250.000.000	-	5.250.000.000	5.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư An Phát		4.225.000.000	4.225.000.000	-	4.225.000.000	4.225.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		3.480.000.000	2.323.412.970	(1.156.587.030)	3.480.000.000	2.323.412.970	(1.156.587.030)
Cộng		229.759.052.562	175.369.897.175	(54.389.155.387)	224.459.052.562	176.752.130.338	(47.706.922.224)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
BMB Clothing Group	32.899.085.856	-	32.899.085.856	-
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh	31.923.853.447	-	31.894.672.484	-
Haggar Clothing Co	43.392.514.920	-	12.176.974.594	-
Motives International (Hong Kong) Ltd.	31.801.093.652	-	47.040.393.729	-
Mango Mng, S.A.	112.058.009.634	-	153.492.509.524	-
Công ty Cổ phần May Gia Lai	2.158.880.194	-	2.158.880.194	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	131.030.080.791	-	91.591.078.012	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	1.391.439.115	-	325.569.621	-
Các đối tượng khác	502.870.758.954	(7.442.825.303)	464.689.382.117	(5.068.821.774)
Cộng	889.525.716.563	(7.442.825.303)	836.268.546.131	(5.068.821.774)
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>223.027.493.131</i>	<i>-</i>	<i>192.880.420.399</i>	<i>-</i>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	15.195.548.126	-	15.195.548.126	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	-	-	5.900.862.573	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	17.308.034.806	-	8.426.629.158	-
Các đối tượng khác	6.460.860.646	-	8.196.256.565	-
Cộng	38.964.443.578	-	37.719.296.422	-
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>33.437.679.472</i>	<i>-</i>	<i>33.322.136.397</i>	<i>-</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Phải thu khác

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	135.925.436.137	(138.092.286)	122.692.647.239	(138.092.286)
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	12.087.306.000	-	7.219.707.481	-
Tạm ứng	10.582.342.369	-	9.261.967.006	-
Ký cược, ký quỹ	200.231.273	-	155.252.024	-
Phải thu khác, trong đó:	113.055.556.495	(138.092.286)	106.055.720.728	(138.092.286)
+ Phải thu các Công ty con, công ty liên kết	68.042.065.059	-	66.895.043.047	-
+ Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc Toàn Cầu (i)	27.470.030.000	-	27.470.030.000	-
+ Phải thu khác còn lại	17.543.461.436	(138.092.286)	11.690.647.681	(138.092.286)
b) Dài hạn	15.023.665.469	-	15.085.265.469	-
Ký cược, ký quỹ	1.493.109.916	-	1.554.709.916	-
Phải thu các Công ty con, Công ty liên kết	13.530.555.553	-	13.530.555.553	-
Cộng	150.949.101.606	(138.092.286)	137.777.912.708	(138.092.286)
<i>Trong đó: Phải thu khác với các bên liên quan</i>	<i>89.711.630.612</i>	<i>-</i>	<i>83.552.235.081</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>				

- (i) Đây là số tiền uỷ thác theo hợp đồng uỷ thác đầu tư số 01.24/NBC-GAA ngày 25/3/2024 giữa Tổng Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc Toàn cầu (Bên B) về việc Bên A uỷ thác cho Bên B sử dụng số tiền uỷ thác đầu tư mở pháp nhân là Công ty May mặc thời trang.

5.6 Hàng tồn kho

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	2.911.136	-	30.345.365	-
Nguyên liệu, vật liệu	122.724.289.440	-	98.056.274.587	-
Công cụ, dụng cụ	6.200.873.955	-	6.315.925.024	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	284.237.858.017	-	267.869.607.157	-
Sản phẩm	75.012.482.793	(1.674.397.344)	59.196.267.961	(1.674.397.344)
Hàng hóa	29.476.755.091	-	4.353.494.534	-
Hàng gửi đi bán	32.188.797.121	-	29.979.980.625	-
Cộng	549.843.967.553	(1.674.397.344)	465.801.895.253	(1.674.397.344)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Chi phí chờ phân bổ

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	7.155.292.823	6.885.316.024
Công cụ, dụng cụ	625.081.705	754.022.124
Chi phí sửa chữa	608.226.406	420.536.997
Chi phí mua bảo hiểm	1.406.997.890	2.517.143.098
Chi phí quảng cáo	454.991.664	629.358.332
Chi phí thuê mặt bằng	1.366.629.234	225.545.898
Chi phí chờ phân bổ khác	2.693.365.924	2.338.709.575
Dài hạn	37.400.209.541	39.765.322.144
Công cụ, dụng cụ	7.292.692.581	8.374.265.938
Chi phí sửa chữa	13.372.072.065	12.618.536.966
Chi phí thuê đất (i)	11.325.008.746	11.550.643.000
Chi phí phụ tùng	577.274.764	594.956.007
Chi phí tư vấn, đào tạo	249.999.990	499.999.992
Chi phí quảng cáo	232.700.000	284.375.000
Chi phí chờ phân bổ khác	4.350.461.395	5.842.545.241
Cộng	44.555.502.364	46.650.638.168

(i) Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Bình An, khu phố Ngãi Thắng, phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh với thời gian thuê đến tháng 10/2061.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Mua sắm phần mềm Datawarehouse, AI Agent, Portal	5.880.000.000	5.880.000.000	3.400.000.000	3.400.000.000
Mua sắm máy móc thiết bị	4.098.158.041	4.098.158.041	4.098.158.041	4.098.158.041
Nâng cấp, cải tạo Cụm Công nghiệp Cát Trinh	-	-	2.379.200.000	2.379.200.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	120.000.000	120.000.000	-	-
Cộng	10.098.158.041	10.098.158.041	9.877.358.041	9.877.358.041

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Nợ xấu

	30/6/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
	Thời gian quá hạn	Giá trị nợ gốc	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị nợ gốc	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		9.803.145.701	(7.442.825.303)	2.360.320.398		9.803.145.701	(5.068.821.774)	4.734.323.927
Công ty TNHH Asia Garment	> 03 năm	713.371.775	(713.371.775)	-	> 03 năm	713.371.775	(713.371.775)	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất May mặc Phú Khang	Từ 02 - 03 năm	7.558.948.169	(5.198.627.771)	2.360.320.398	Từ 01 - 02 năm	7.558.948.169	(2.824.624.242)	4.734.323.927
Các đối tượng khác	> 03 năm	1.530.825.757	(1.530.825.757)	-	> 03 năm	1.530.825.757	(1.530.825.757)	-
2. Phải thu ngắn hạn khác		138.092.286	(138.092.286)	-		138.092.286	(138.092.286)	-
Các đối tượng khác	> 3 năm	138.092.286	(138.092.286)	-	> 3 năm	138.092.286	(138.092.286)	-
Cộng		9.941.237.987	(7.580.917.589)	2.360.320.398		9.941.237.987	(5.206.914.060)	4.734.323.927

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2026	286.260.802.673	360.905.346.071	104.233.756.514	3.836.367.247	755.236.272.505
Mua trong kỳ	3.643.195.370	6.430.972.500	-	49.000.000	10.123.167.870
Giảm do thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	(16.617.744.041)	(500.000.000)	-	(17.117.744.041)
Số dư tại ngày 30/6/2026	289.903.998.043	350.718.574.530	103.733.756.514	3.885.367.247	748.241.696.334
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2026	202.546.245.425	309.985.938.563	83.375.671.345	3.681.851.548	599.589.706.881
Khấu hao trong kỳ	3.750.800.214	7.013.110.950	1.872.338.388	51.065.505	12.687.315.057
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	(16.396.322.877)	(412.739.662)	-	(16.809.062.539)
Số dư tại ngày 30/6/2026	206.297.045.639	300.602.726.636	84.835.270.071	3.732.917.053	595.467.959.399
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại ngày 01/01/2026	83.714.557.248	50.919.407.508	20.858.085.169	154.515.699	155.646.565.624
Số dư tại ngày 30/6/2026	83.606.952.404	50.115.847.894	18.898.486.443	152.450.194	152.773.736.935

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026: 450.573.435.988 VND (Tại ngày 01/01/2026 là 443.150.376.001 VND).
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2026 là 46.736.586.314 VND (Tại ngày 01/01/2026 là 2.727.437.365 VND).

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.11 Tài sản cố định vô hình

a. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2026	10.449.268.907	5.838.965.451	30.478.584.505	46.766.818.863
Mua trong kỳ	-	-	4.600.000.000	4.600.000.000
Số dư tại ngày 30/6/2026	10.449.268.907	5.838.965.451	35.078.584.505	51.366.818.863
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2026	6.732.496.907	5.838.965.451	25.310.346.251	37.881.808.609
Khấu hao trong kỳ	192.831.786	-	468.070.334	660.902.120
Số dư tại ngày 30/6/2026	6.925.328.693	5.838.965.451	25.778.416.585	38.542.710.729
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại ngày 01/01/2026	3.716.772.000	-	5.168.238.254	8.885.010.254
Số dư tại ngày 30/6/2026	3.523.940.214	-	9.300.167.920	12.824.108.134

Trong đó:
Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 30.294.563.982 VND (Tại ngày 01/01/2026 là 30.294.563.982 VND).

c. Danh mục tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có giá trị trên 10% tổng giá trị tài sản vô hình:
30/06/2026 (VND)

Loại và tên tài sản	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm máy vi tính	4.600.000.000	153.333.332	4.446.666.668	-	-	-
Phần mềm Datawarehouse, AI Agent, Portal giai đoạn 1	4.600.000.000	153.333.332	4.446.666.668	-	-	-
Cộng	4.600.000.000	153.333.332	4.446.666.668	-	-	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần May Tam Quan	23.733.148.356	24.817.585.531
Motives (Far East) Ltd.	12.943.323.590	3.978.300.151
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	4.673.507.782	5.629.256.844
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	13.663.404.936	13.434.853.644
Global Fashion Uk Ltd.	25.234.001.776	15.989.310.359
Các đối tượng khác	188.888.024.504	172.271.242.447
Cộng	269.135.410.944	236.120.548.976
<i>Trong đó: Phải trả người bán với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>72.594.979.919</i>	<i>67.996.449.794</i>

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	629.761.067	1.050.150.495
Carreman International	4.097.820.000	4.097.820.000
Các đối tượng khác	7.737.535.863	6.025.420.721
Cộng	12.465.116.930	11.173.391.216

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước ngắn hạn

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2026 VND
a) Phải nộp	7.278.877.066	21.402.131.311	23.118.764.869	5.562.243.508
Thuế giá trị gia tăng	5.298.049.860	11.139.317.207	11.963.035.405	4.474.331.662
Thuế xuất nhập khẩu	101.678.858	642.033.263	661.247.030	82.465.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.135.101.509	4.135.101.509	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.252.817.133	2.216.879.029	2.807.604.264	662.091.898
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.673.973.355	1.673.973.355	-
Các loại thuế khác	-	168.853.487	168.853.487	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	626.331.215	1.425.973.461	1.708.949.819	343.354.857
b) Phải thu	5.742.003.760	1.753.258.768	10.291.306	3.999.036.298
Thuế xuất nhập khẩu	1.749.590.044	-	10.291.306	1.759.881.350
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.662.880.347	1.703.758.099	-	1.959.122.248
Thuế thu nhập cá nhân	329.533.369	49.500.669	-	280.032.700

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Trích trước chi phí mua nguyên liệu, vật liệu	9.366.197.253	5.746.454.798
Trích trước chi phí gia công	9.418.597.641	15.292.881.616
Trích trước chi phí đi vay phải trả	5.030.136.987	-
Chi phí điện, nước, vận chuyển, dịch vụ hạ tầng cảng biển	12.057.517.018	8.170.748.938
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	11.183.752.453	12.068.752.571
Các khoản phải trả khác	890.924.278	718.899.876
Cộng	47.947.125.630	41.997.737.799

5.16 Doanh thu chờ phân bổ

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	12.922.950.616	13.834.555.940
- Các khoản doanh thu chờ phân bổ khác	12.922.950.616	13.834.555.940
Dài hạn	24.879.444.994	24.879.437.050
Doanh thu cho thuê lại đất nhận trước:	24.879.444.994	24.879.437.050
- Công ty Cổ phần Máy Tam Quan	3.096.891.200	3.096.891.200
- Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	5.187.173.826	5.187.173.826
- Công ty TNHH Delta Galil VN	12.862.395.476	12.862.395.476
- Công ty Cổ phần Công nghệ PPJ-HNC	3.732.984.492	3.732.976.548
Cộng	37.802.395.610	38.713.992.990
Trong đó: Doanh thu chờ phân bổ với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	3.096.891.200	3.096.891.200

5.17 Phải trả khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	13.978.112.402	10.988.196.937
Kinh phí công đoàn	2.629.337.245	3.044.737.326
Bảo hiểm xã hội	3.700.920.150	6.225.932
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.647.855.007	7.937.233.679
Dài hạn	3.400.000.000	3.400.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	3.400.000.000	3.400.000.000
Cộng	17.378.112.402	14.388.196.937

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2026 VND	Tăng trong kỳ (VND)	Giảm trong kỳ (VND)	01/01/2026 VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.226.759.028.811	1.258.440.350.013	1.239.835.405.145	1.208.154.083.943
<i>a1) Vay ngắn hạn</i>	<i>1.223.699.028.811</i>	<i>1.258.440.350.013</i>	<i>1.236.775.405.145</i>	<i>1.202.034.083.943</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	320.014.924.127	337.734.591.996	326.947.647.940	309.227.980.071
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh (2)	534.451.279.450	547.516.232.777	562.066.588.897	549.001.635.570
Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	216.122.185.090	220.078.885.094	217.185.405.935	213.228.705.931
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (4)	4.338.507.539	4.338.507.539	5.288.907.662	5.288.907.662
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 (5)	99.706.881.956	99.706.881.958	125.286.854.711	125.286.854.709
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi (6)	49.065.250.649	49.065.250.649	-	-
<i>a2) Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.060.000.000</i>	<i>-</i>	<i>3.060.000.000</i>	<i>6.120.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh (7)	3.060.000.000	-	3.060.000.000	6.120.000.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.850.000.000	-	-	17.850.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh (7)	17.850.000.000	-	-	17.850.000.000
Cộng	1.244.609.028.811	1.258.440.350.013	1.239.835.405.145	1.226.004.083.943

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 34/98099/26-DN1/N-CTD ngày 09/06/2026;
Hạn mức vay: 400.000.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức: Tối đa 12 tháng kể từ ngày Hợp Đồng này có hiệu lực;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại và tài trợ xuất khẩu;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 Tp. Hồ Chí Minh:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2026/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 29/04/2026;
Hạn mức vay: 700.000.000.000 VND, đã bao gồm cả dư nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 04/04/2025;
Thời hạn duy trì hạn mức: Đến hết ngày 29/4/2027.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thanh toán L/C, phát hành bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, bao thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Vay;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Biện pháp đảm bảo: Tài sản thuộc dự án đã được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 Tp. Hồ Chí Minh tài trợ;

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.4605.031125 ngày 27/11/2025;
Hạn mức vay: 300.000.000.000 VND hoặc USD tương đương;
Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại và tài trợ xuất khẩu;
Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:**

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay số 21/2025/HDTD-HM/TTKD ngày 29/09/2025;

Hạn mức vay: + Hạn mức cho vay: 10,000,000 USD hoặc VND tương đương;
+ Hạn mức cấp bảo lãnh: 10,000,000 USD hoặc VND tương đương;
+ Hạn mức phát hành thư tín dụng: 10,000,000 USD hoặc VND tương đương;
+ Hạn mức chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu: 1,000,000 USD;

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này;

Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may;

Biện pháp đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo;

(5) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2:

Số hợp đồng: Hợp đồng cấp tín dụng số 434633.26.103.773157.TD ngày 13/8/2026;

Hạn mức vay: Giá trị hạn mức cấp tín dụng là 320.000.000.000 VND

Thời hạn duy trì hạn mức: đến ngày 20/7/2027;

Lãi suất vay: theo từng hợp đồng cấp tín dụng hoặc văn bản nhận nợ;

Mục đích vay: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may của Khách hàng;

Biện pháp đảm bảo: Theo danh mục tài sản đảm bảo tại hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

(6) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi:

Số hợp đồng: hợp đồng tín dụng hạn mức số 25415/25MN/HĐTD ngày 08/10/2025;

Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 VND;

Thời hạn duy trì hạn mức: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức;

Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng: Hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động 50.000.000.000 VND: thanh toán điện nước, chi lương CBNV qua HDBank và nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, kinh doanh hàng dệt may;

Hạn mức tài trợ xuất khẩu trước giao hàng 100.000.000.000 VND: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may;

Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;

Biện pháp đảm bảo: Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(7) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 Tp. Hồ Chí Minh:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay số 01/2023-HĐCVDADT/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM;

Hạn mức vay: 46.400.000.000 VND, nhưng không vượt quá 70% Tổng chi phí đầu tư của phương án đầu tư tại mọi thời điểm;

Thời hạn duy trì hạn mức: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên;

Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn: là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ từ thời điểm giải ngân cho đến khi có điều chỉnh lãi suất; Lãi suất đối với dư nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm;

Mục đích vay: Đầu tư dự án: Cải tạo và mở rộng Xí nghiệp may KonTum;

Biện pháp đảm bảo: Được đảm bảo bởi các tài sản phát sinh theo Hợp đồng này gồm:

Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2023/MMTB/HĐBĐ/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023;

Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01/2023/QTS_HĐTD/HĐBĐ/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023;

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Trái phiếu chuyển đổi

	30/6/2026			Trong kỳ			01/01/2026		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (Năm)	Phát hành trái phiếu/ Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu trong kỳ (VND)	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (VND)		Giá trị (VND)	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (Năm)
Mệnh giá trái phiếu phát hành	180.000.000.000	5,0	02 năm	-	-		180.000.000.000	5,0	02 năm
Chi phí phát hành trái phiếu	(272.625.000)			90.875.000	-		(363.500.000)		
Tổng (i)	179.727.375.000			90.875.000	-		179.636.500.000		

(i) Chi tiết thông tin về trái phiếu chuyển đổi như sau:

- Tên trái phiếu : Trái phiếu Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần;
- Loại trái phiếu : Trái phiếu doanh nghiệp;
- Mã số trái phiếu: : MNB425035;
- Ngày phát hành : 08/12/2025;
- Ngày đáo hạn : 08/12/2027;
- Mệnh giá trái phiếu : 100.000 VND/trái phiếu;
- Hình thức phát hành: : Trái phiếu chuyển đổi phát hành ra công chúng;
- Khối lượng trái phiếu phát hành : 1.800.000 trái phiếu;
- Mục đích sử dụng vốn từ trái phiếu : Thanh toán nợ vay cho các Ngân hàng TMCP;
- Thời hạn chuyển đổi: : Trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông trong 01 đợt. Đợt chuyển đổi vào ngày tròn 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu : 1:5 (mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành 5 cổ phần phổ thông).

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2025	200.000.000.000	45.642.229.475	158.426.661.522	404.068.890.997
Lãi trong năm trước	-	-	65.594.237.212	65.594.237.212
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.600.361.710	(2.600.361.710)	-
Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(1.560.217.026)	(1.560.217.026)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(7.801.085.129)	(7.801.085.129)
Chia cổ tức	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	200.000.000.000	48.242.591.185	172.059.234.869	420.301.826.054
Số dư tại ngày 01/01/2026	200.000.000.000	48.242.591.185	172.059.234.869	420.301.826.054
Lãi trong kỳ này	-	-	42.467.613.948	42.467.613.948
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	3.279.711.861	(3.279.711.861)	-
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	(1.967.827.116)	(1.967.827.116)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(9.839.135.582)	(9.839.135.582)
Số dư tại ngày 30/6/2026	200.000.000.000	51.522.303.046	199.440.174.258	450.962.477.304

Trong kỳ, Tổng Công ty phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2026 như sau:

Số tiền (VND)

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 5% lợi nhuận sau thuế : 3.279.711.861
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 15% lợi nhuận sau thuế : 9.839.135.582
- Trích thưởng HĐQT và BKS: 3% lợi nhuận sau thuế : 1.967.827.116

Ngày 20/7/2026 Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ban hành Nghị quyết số 10/2026/HĐQT ngày 20/7/2026 về việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ 20%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 2.000 VND). Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 07/8/2026, ngày thanh toán là ngày 24/8/2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	50.400.000.000
Công ty Cổ phần 4M	48.787.060.000	48.787.060.000
Ông Nguyễn Lý Đức Quân	(*)	11.592.790.000
Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	17.130.230.000	(*)
Bà Trần Linh Trang	14.200.000.000	14.200.000.000
Các đối tượng khác	69.482.710.000	75.020.150.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

(*) Tại ngày 30/6/2026 và 01/01/2026, các đối tượng trên không phải cổ đông lớn nên không trình bày.

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2026 Cổ phiếu	1/1/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Quỹ đầu tư phát triển	51.522.303.046	48.242.591.185
Cộng	51.522.303.046	48.242.591.185

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.21 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ

a) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Debenhams Retail	6.623.559.760	6.623.559.760
Các đối tượng khác	13.044.569.276	13.044.569.276
Cộng	19.668.129.036	19.668.129.036

b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026	1/1/2026
Tiền gửi Ngân hàng		
Tiền USD	465.775,09	3.486.982,24
Tương đương VND	12.168.594.864	90.930.054.237
Tiền EUR	3.375,00	53.091,21
Tương đương VND	102.425.769	1.611.249.204

c) Tài sản của doanh nghiệp sử dụng để cầm cố, thế chấp tại ngày 30/6/2026

Loại tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	50.865.594.884	4.129.008.570	46.736.586.314
Nhà cửa, vật kiến trúc	39.470.547.573	2.091.049.091	37.379.498.482
Máy móc, thiết bị	264.900.000	38.631.243	226.268.757
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	11.130.147.311	1.999.328.236	9.130.819.075
Tổng cộng	50.865.594.884	4.129.008.570	46.736.586.314

Khoản mục	Giá trị ghi sổ/ Giá gốc
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.744.000.000
Tổng cộng	7.744.000.000

Các thông tin về đối tượng nhận cầm cố/ thế chấp, mục đích đảm bảo và thời hạn được trình bày tại Thuyết minh số 5.18.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	1.454.672.195.681	1.232.526.785.736
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.603.420.305	19.061.508.490
Cộng	1.477.275.615.986	1.251.588.294.226
Trong đó: Giao dịch bán với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)	58.053.714.650	64.504.557.480

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Khoản giảm giá hàng bán	1.123.264.349	2.537.051.153
Khoản doanh thu hàng bán bị trả lại	1.180.427.255	1.093.745.404
Cộng	2.303.691.604	3.630.796.557

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	1.452.368.504.077	1.228.895.989.179
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.603.420.305	19.061.508.490
Cộng	1.474.971.924.382	1.247.957.497.669

6.4 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	1.190.973.451.387	996.820.658.780
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.432.600.472	4.892.681.290
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(592.539.432)
Cộng	1.195.406.051.859	1.001.120.800.638

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.951.037.885	3.020.020.997
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.691.590.000	19.544.096.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.750.447.099	13.373.985.780
Cộng	42.393.074.984	35.938.102.777
<i>Trong đó: Doanh thu HĐTC với các bên liên quan: (Chi tiết tại <u>Thuyết minh 7.2</u>)</i>	<i>20.516.590.000</i>	<i>17.853.870.000</i>

6.6 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí đi vay	32.432.057.128	25.930.064.647
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.629.023.474	7.053.199.786
Chiết khấu thanh toán phải trả	177.992.862	726.486.299
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.682.233.163	475.148.421
Cộng	42.921.306.627	34.184.899.153

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí bán hàng	114.045.134.398	112.499.104.519
Chi phí nhân viên	23.149.572.034	20.679.091.325
Chi phí vật liệu, bao bì	2.014.997.326	2.085.432.358
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	660.372.256	437.775.723
Chi phí khấu hao TSCĐ	971.229.900	1.239.802.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.910.715.102	84.299.282.779
Chi phí bằng tiền khác	3.338.247.780	3.757.720.038
Chi phí quản lý doanh nghiệp	118.399.499.698	104.822.390.291
Chi phí nhân viên quản lý	70.033.464.845	68.040.790.111
Chi phí vật liệu quản lý	2.303.589.420	3.246.161.703
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.148.748.278	1.304.662.934
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.873.370.667	5.281.989.763
Thuế phí và lệ phí	2.254.195.240	1.884.438.581
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	2.380.917.329	(146.856.076)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.396.712.159	17.050.685.044
Chi phí bằng tiền khác	11.008.501.760	8.160.518.231
Cộng	232.444.634.096	217.321.494.810

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.8 Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	430.872.086	477.381.778
Thu nhập khác	1.304.163.596	2.832.341.587
Cộng	1.735.035.682	3.309.723.365
<i>Trong đó: Thu nhập khác với các bên liên quan: (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>353.484.565</i>	<i>622.716.000</i>

6.9 Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Các khoản phạt	15.000.000	19.093.058
Chi phí khác	6.568.910	209.759
Cộng	21.568.910	19.302.817

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	755.540.204.168	580.903.390.490
Chi phí nhân công	237.806.350.386	233.401.186.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.573.851.431	16.522.500.847
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	2.380.917.329	(146.856.076)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	498.071.653.789	448.407.253.152
Chi phí khác bằng tiền	23.169.204.350	16.352.749.798
Cộng	1.530.542.181.453	1.295.440.224.380

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	48.306.473.556	34.558.826.393
Các khoản điều chỉnh tăng	2.579.414.482	1.512.111.769
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>2.313.350.146</i>	<i>1.241.954.375</i>
<i>Các khoản phạt</i>	<i>15.000.000</i>	<i>19.093.058</i>
<i>Chi phí khấu hao vượt định mức</i>	<i>251.064.336</i>	<i>251.064.336</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	21.691.590.000	19.544.096.000
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>21.691.590.000</i>	<i>19.544.096.000</i>
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	29.194.298.038	16.526.842.162
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.838.859.608	3.305.368.432

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các thông tin khác****Cam kết cho thuê hoạt động**

Tổng Công ty hiện đang cho thuê kho, nhà xưởng, thuê văn phòng theo hợp đồng khoán doanh thu cho thuê hoạt động, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

Cam kết góp vốn

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2026/HĐQT ngày 15/6/2026 về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp và cử người đại diện theo ủy quyền tại Công ty Cổ phần AI+DI NBC, Tổng Công ty cam kết góp 12.250.000.000 VND tương đương 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần AI+DI NBC. Đến ngày phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Tổng Công ty và các bên đang thực hiện các thủ tục góp vốn thành lập Công ty.

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/2026/HĐQT ngày 20/7/2026 về việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ 20%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 2.000 VND). Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 07/8/2026, ngày thanh toán là ngày 24/8/2026.

Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động “ESOP”

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2026 thông qua tờ trình phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với các thông tin chính như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.000.000 cổ phiếu tương ứng giá trị 10.000.000.000 VND (mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần, giá phát hành 10.000 VND/ cổ phần).
- Đối tượng phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các vị trí quản lý và cán bộ nhân viên chủ chốt của Tổng Công ty.
- Hạn chế quyền chuyển nhượng: số cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 02 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Thời gian thực hiện: Quý III năm 2026;

Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Tổng Công ty đang thực hiện các bước để phát hành cổ phiếu cho người lao động theo phương án đã được phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Công ty con
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ	Công ty liên kết của Công ty con
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty phát sinh các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

a. Thu nhập và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
		VND	VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	306.000.000	306.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao	108.000.000	108.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	5.377.247.610	5.129.840.729
Cộng		5.791.247.610	5.543.840.729

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch mua hàng và dịch vụ chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Mua hàng		276.712.847.771	281.239.385.921
Công ty Cổ phần May Bình Định	Dịch vụ gia công	2.728.642.726	-
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Dịch vụ gia công	7.485.416.514	15.778.904.952
	Hàng hóa, dịch vụ khác	84.589.999	73.307.778
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Dịch vụ gia công	67.785.747.182	74.350.959.124
	Hàng hóa, dịch vụ khác	625.000.000	805.555.554
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Dịch vụ gia công	61.850.011.926	48.270.264.130
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Dịch vụ gia công	27.958.461	277.657.609
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh	Dịch vụ gia công	33.564.764.494	36.746.897.032
Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ	Dịch vụ gia công	3.897.802.474	-
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Dịch vụ vận chuyển	22.659.887.364	22.168.743.866
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Dịch vụ gia công	13.542.410.855	14.494.221.386
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Dịch vụ gia công	36.303.874.556	29.458.574.378
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Dịch vụ gia công	7.519.949.880	18.042.122.700
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Dịch vụ gia công	11.518.055.040	5.973.521.062
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Thiết bị, công cụ dụng cụ	7.118.736.300	14.798.656.350

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**c. Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ chủ yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Bán hàng		58.053.714.650	64.504.557.480
Công ty Cổ phần May Bình Định	Hàng hóa, dịch vụ khác	166.498.171	168.086.582
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Quần áo, nguyên phụ liệu	354.563.982	244.359.259
	Hàng hóa, dịch vụ khác	1.613.043.768	1.407.344.095
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Quần áo, nguyên phụ liệu	9.963.273.699	19.311.814.465
	Hàng hóa, dịch vụ khác	991.954.775	712.351.353
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Dịch vụ gia công	-	5.410.994.956
	Hàng hóa, dịch vụ khác	135.850.000	272.460.580
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Hàng hóa, dịch vụ khác	119.237.685	198.784.740
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Hàng hóa, dịch vụ khác	900.000.000	900.000.000
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh	Hàng hóa, dịch vụ khác	-	148.256.226
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Chi phí xuất nhập khẩu	2.214.702.446	1.695.773.577
	Hàng hóa, dịch vụ khác	415.263.004	1.190.746.260
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Quần áo, nguyên phụ liệu	-	32.129.600
	Hàng hóa, dịch vụ khác	344.255.301	298.431.664
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Hàng hóa, dịch vụ khác	92.554.730	111.880.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Quần áo, nguyên phụ liệu	39.921.696.511	31.536.191.636
	Hàng hóa, dịch vụ khác	130.764.929	350.281.978
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Hàng hóa, dịch vụ khác	87.109.167	6.400.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Hàng hóa, dịch vụ khác	602.946.482	508.270.509

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

d. Giao dịch khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		20.516.590.000	17.853.870.000
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Cổ tức được chia	6.375.000.000	6.375.000.000
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Cổ tức được chia	4.462.500.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Cổ tức được chia	2.550.000.000	2.550.000.000
Công ty Cổ phần May Bình Định	Cổ tức được chia	2.395.080.000	1.796.310.000
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Cổ tức được chia	581.760.000	581.760.000
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Cổ tức được chia	2.295.000.000	2.295.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Cổ tức được chia	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Cổ tức được chia	857.250.000	685.800.000
Thu nhập khác		353.484.565	622.716.000
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Bán tài sản	353.484.565	622.716.000

e. Số dư chủ yếu với bên liên quan

Bên liên quan	Phân loại	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu của khách hàng		223.027.493.131	192.880.420.399
Công ty Cổ phần May Bình Định	Ngắn hạn	30.443.154	79.178.286
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Ngắn hạn	5.671.286.003	3.931.650.334
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Ngắn hạn	2.158.880.194	2.158.880.194
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Ngắn hạn	41.339.130.145	52.937.665.340
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Ngắn hạn	9.561.000.000	8.751.000.000
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Ngắn hạn	-	216.271.500
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Ngắn hạn	483.762.085	547.228.205
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Ngắn hạn	131.030.080.791	91.591.078.012
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Ngắn hạn	639.727.000	639.727.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Ngắn hạn	218.511.275	106.644.489
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh	Ngắn hạn	31.894.672.484	31.894.672.484
Công Ty Cổ Phần May Đà Lạt	Ngắn hạn	-	26.424.555
Trả trước cho người bán		33.437.679.472	33.322.136.397
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Ngắn hạn	17.308.034.806	11.291.629.158
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Ngắn hạn	15.195.548.126	15.195.548.126
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Ngắn hạn	-	5.900.862.573
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Ngắn hạn	934.096.540	934.096.540

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**e. Số dư chủ yếu với bên liên quan**

Bên liên quan	Phân loại	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu khác		89.711.630.612	83.552.235.081
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Ngắn hạn	581.760.000	581.760.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Ngắn hạn	17.845.910.149	17.272.695.273
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Ngắn hạn	15.691.480.876	15.691.480.876
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Ngắn hạn	5.226.088.705	2.544.876.481
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Ngắn hạn	17.127.936	15.998.976
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Ngắn hạn	1.857.250.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Ngắn hạn	24.989.510.833	24.989.510.833
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Ngắn hạn	1.600.000.000	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Ngắn hạn	8.300.084.454	7.853.494.983
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Ngắn hạn	71.862.106	71.862.106
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Dài hạn	830.555.553	830.555.553
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Dài hạn	12.700.000.000	12.700.000.000
Phải trả người bán		72.594.979.919	67.996.449.794
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Ngắn hạn	5.643.344.489	2.055.001.807
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Ngắn hạn	4.673.507.782	5.629.256.844
Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ	Ngắn hạn	2.339.512.436	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Ngắn hạn	13.663.404.936	13.434.853.644
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Ngắn hạn	23.733.148.356	24.817.585.531
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Ngắn hạn	30.195.138	-
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh	Ngắn hạn	7.331.699.391	8.324.741.762
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Ngắn hạn	3.698.121.497	4.362.979.976
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Ngắn hạn	7.639.419.478	6.236.901.098
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Ngắn hạn	5.500.000	5.500.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Ngắn hạn	3.837.126.416	3.129.629.132
Doanh thu chờ phân bổ		3.096.891.200	3.096.891.200
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Dài hạn	3.096.891.200	3.096.891.200

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập



Nguyễn Ngọc Hiếu

Kế toán trưởng



Đặng Minh Tuyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

